



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 4186/QĐ-VACI ngày 06 tháng 03 năm 2023
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Tên phòng thử nghiệm: Phòng Thủ nghiệm Việt Thắng Group

Laboratory: Viet Thang Group Laboratory

Cơ quan chủ quản: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THẮNG GROUP

Organization: VIET THANG GROUP

Lĩnh vực: Hóa

Field of testing: Chemical

Người phụ trách/ Representative: Phạm Thị Phương Liên

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

STT	Họ và tên/Full name	Chức vụ/ Position	Phạm vi được ký/Scope
1.	Lê Văn Việt	Giám đốc Director	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests
2.	Phạm Thị Phương Liên	Trưởng phòng Manager	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests
3.	Lê Hoàng Đa	Thủ nghiệm viên Tester	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests
4.	Nguyễn Tiến Đạt	Thủ nghiệm viên Tester	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests

Số hiệu/Code: VALAS 070

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: 11/01/2027

Địa chỉ văn phòng/Headquarters:

Lô MM5, đường số 05, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam

Lot MM5, Road No.05, Duc Hoa 1 Industrial Park, Hamlet 5, Duc Hoa Dong Commune, Duc Hoa District, Long An Province, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Lab Location:

Lô MM5, đường số 05, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam

Lot MM5, Road No.05, Duc Hoa 1 Industrial Park, Hamlet 5, Duc Hoa Dong Commune, Duc Hoa District, Long An Province, Vietnam

Số điện thoại/Phone: 0982.021.986

Fax:

E-Mail: vietthangbacgiang@viettel.com

Website:

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: Chemical

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Isoprothiolane <i>Pesticides containing Isoprothiolane</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Isoprothiolane Phương pháp GC <i>Determining the content of active Isoprothiolane</i> <i>GC method</i>	(0,074 ÷ 0,222) mg/ml	TCVN 8749:2014
2.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Hexaconazole <i>Pesticides containing Hexaconazole</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Hexaconazole Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Hexaconazole</i> <i>HPLC method</i>	(0,038 ÷ 0,114) mg/ml	TCVN 8381:2010
3.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Cypermethrin <i>Pesticides containing Cypermethrin</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Cypermethrin Phương pháp GC <i>Determining the content of active Cypermethrin</i> <i>GC method</i>	(0,056 ÷ 0,167) mg/ml	TCVN 8143:2009
4.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Alpha Cypermethrin <i>Pesticides containing Alpha Cypermethrin</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Alpha Cypermethrin Phương pháp GC <i>Determining the content of active Alpha Cypermethrin</i> <i>GC method</i>	(0,056 ÷ 0,167) mg/ml	TCVN 8979:2011
5.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Chlorothalonil <i>Pesticides containing Chlorothalonil</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Chlorothalonil Phương pháp GC <i>Determining the content of active Chlorothalonil</i> <i>GC method</i>	(0,056 ÷ 0,167) mg/ml	TCVN 8145:2009

VỀ TIÊU
CHÍ
CÔNG
VIỆT
NAM
KHOA
HỌC
VIỆT

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
6.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Diafenthiuron <i>Pesticides containing Diafenthiuron</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Diafenthiuron Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Diafenthiuron HPLC method</i>	(0,043 ÷ 0,434) mg/ml	TCCS 38:2012/BVTM
7.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Tricyclazole <i>Pesticides containing Tricyclazole</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Tricyclazole Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Tricyclazole HPLC method</i>	(0,4975 ÷ 2,3615) mg/ml	TC 08/2002-CL
8.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Imidacloprid <i>Pesticides containing Imidacloprid</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Imidacloprid Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Imidacloprid HPLC method</i>	(0,049 ÷ 0,497) mg/ml	TCCS 07:2006
9.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Acetamiprid <i>Pesticides containing Acetamiprid</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Acetamiprid Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Abamectin HPLC method</i>	(0,055 ÷ 0,167) mg/ml	TC 07/2001-CL
10.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Kasugamycin <i>Pesticide containing Kasugamycin</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Kasugamycin Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Abamectin HPLC method</i>	(0,082 ÷ 0,819) mg/ml	TCCS 21:2011/BVTM

CHUẨN
N
NHẬN
LƯỢNG
C
NAM
★

DANH MỤC PHÉP THỦ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VALAS 070

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
11.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Abamectin <i>Pesticide containing Abamectin</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Abamectin Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Abamectin HPLC method</i>	(0,028 ÷ 0,394) mg/ml	TCVN 9475:2012
12.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Acetochlor <i>Pesticide containing Acetochlor</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Acetochlor Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Acetochlor HPLC method</i>	(0,033 ÷ 0,331) mg/ml	TC08/2003-CL
13.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Ametryn <i>Pesticides containing Ametryn</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Ametryn Phương pháp GC <i>Determining the content of active Ametryn GC method</i>	(0,027 ÷ 0,274) mg/ml	TCCS 36:2012/BVTM
14.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Atrazine <i>Pesticide containing Atrazine</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Atrazine Phương pháp GC <i>Determining the content of active Atrazine GC method</i>	(0,032 ÷ 0,326) mg/ml	TCVN 10161:2013
15.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Bensulfuron Methyl <i>Pesticides containing Bensulfuron Methyl</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Bensulfuron Methyl Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Bensulfuron Methyl HPLC methods</i>	(0,028 ÷ 0,286) mg/ml	TC109/2000-CL

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
16.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Buprofezin <i>Pesticides containing Buprofezin</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Buprofezin Phương pháp GC <i>Determining the content of active Buprofezin GC method</i>	(0,038 ÷ 0,384) mg/ml	TCVN 9477:2012
17.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Butachlor <i>Pesticides containing Butachlor</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Butachlor Phương pháp GC <i>Determining the content of active Butachlor GC methods</i>	(0,03 ÷ 0,305) mg/ml	TC 08/CL:2006
18.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Deltamethrin <i>Pesticides containing Deltamethrin</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Deltamethrin Phương pháp GC <i>Determining the content of active Deltamethrin GC methods</i>	(0,040 ÷ 0,409) mg/ml	TCVN 8750:2011
19.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Difenoconazole <i>Pesticides containing Difenoconazole</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Difenoconazole Phương pháp GC <i>Determining the content of active Difenoconazole GC methods</i>	(0,036 ÷ 0,362) mg/ml	TC 03/2003-CL
20.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Emamectin Benzoate <i>Pesticides containing Emamectin Benzoate</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Emamectin Benzoate Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Benzoate HPLC methods</i>	(0,034 ÷ 0,343) mg/ml	TCCS 66:2013/BVTM

VỀ TIẾP
V
CÔNG
CHẤT
V
KHOA
VI

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
21.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Fenclorim <i>Pesticides containing Fenclorim</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Fenclorim Phương pháp GC <i>Determining the content of active Fenclorim GC method</i>	(0,041 ÷ 0,411) mg/ml	TCCS 640:2017/BVTM
22.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Fenobucarb <i>Pesticides containing Fenobucarb</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Fenobucarb Phương pháp GC <i>Determining the content of active Fenobucarb GC methods</i>	(0,046 ÷ 0,460) mg/ml	TCVN 8983:2011
23.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Glufosinate Ammonium <i>Pesticides containing Glufosinate Ammonium</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Glufosinate Ammonium Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Glufosinate Ammonium HPLC methods</i>	(0,035 ÷ 0,394) mg/ml	TCCS 203:2014/BVTM
24.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Metalaxyl <i>Pesticides containing Metalaxyl</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Metalaxyl Phương pháp GC <i>Determining the content of active Metalaxyl GC methods</i>	(0,031 ÷ 0,313) mg/ml	TCCS 04:2009/BVTM
25.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Nereistoxin <i>Pesticides containing Nereistoxin</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Nereistoxin Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Nereistoxin HPLC methods</i>	(0,035 ÷ 0,351) mg/ml	TC 09/CL:2007

DANH MỤC PHÉP THỦ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VALAS 070

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
26.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Niclosamide <i>Pesticides containing Niclosamide</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Niclosamide Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Niclosamide HPLC method</i>	(0,034 ÷ 0,347) mg/ml	TC 05/CL:2005
27.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Permethrin <i>Pesticides containing Permethrin</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Permethrin Phương pháp GC <i>Determining the content of active Permethrin GC method</i>	(0,034 ÷ 0,343) mg/ml	TCCS 31:2011/BVTM
28.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Pretilachlor <i>Pesticides containing Pretilachlor</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Pretilachlor Phương pháp GC <i>Determining the content of active Pretilachlor GC method</i>	(0,042 ÷ 0,428) mg/ml	TCVN 8144:2009
29.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Propiconazole <i>Pesticides containing Propiconazole</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Propiconazole Phương pháp GC <i>Determining the content of active Propiconazole GC method</i>	(0,044 ÷ 0,44) mg/ml	TCCS 22:2011/BVTM
30.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Pymetrozine <i>Pesticides containing Pymetrozine</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Pymetrozine Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Pymetrozine HPLC method</i>	(0,035 ÷ 0,359) mg/ml	TCCS 13:2010/BVTM

UẤN VÀ
ĐẬN SỰNG
AM
ET NAM

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
31.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Pyrazosulfuron Ethyl <i>Pesticide containing Pyrazosulfuron Ethyl</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Pyrazosulfuron Ethyl Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Pyrazosulfuron Ethyl HPLC method</i>	(0,038 ÷ 0,388) mg/ml	TCCS 32:2011/BVTV
32.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Quinclorac <i>Pesticides containing Quinclorac</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Quinclorac Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Quinclorac HPLC method</i>	(0,041 ÷ 0,412) mg/ml	TC 114/2000-CL
33.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Streptomycin sulfate <i>Pesticides containing Streptomycin sulfate</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Streptomycin sulfate Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Streptomycin sulfate HPLC method</i>	(0,028 ÷ 0,286) mg/ml	TCCS 437:2016/BVTV
34.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Validamycin <i>Pesticides containing Validamycin</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Validamycin Phương pháp HPLC <i>Determining the content of active Validamycin HPLC method</i>	(0,029 ÷ 0,292) mg/ml	TCCS 217:2014/BVTV

Ghi chú / Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam / Vietnam Standards;
- TCCS.../BVTV, TC.../CL: Phương pháp do Cục BVTV ban hành / Plant Protection Department developed method.

CHẤT LƯỢNG

